

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2024/DS-ST
Ngày 09 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm.

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần CN.

Địa chỉ trụ sở: đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc Q – chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần CN, chi nhánh X theo Giấy ủy quyền số 105/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: đường T, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Hồng T; sinh ngày 01/01/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 13/5/2020 chị Nguyễn Hồng T có ký hợp đồng cầm cố tài sản số CMM200501008NA14X với Công ty cổ phần CN, chi nhánh X để cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision 110cc Fi, biển số 69C1 – 32502, màu: Đen xám, số khung 3318DY008234, số máy F33E-0445918, giấy chứng nhận đăng ký xe số 029723 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/5/2014 với số tiền nhận cầm cố là 10.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 10.000.000 đồng cho chị T vào ngày 13/5/2020. Do nhu cầu cần có xe đi lại

hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho chị T mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe 01 tháng từ ngày 13/5/2020 đến ngày 13/6/2020, địa điểm trả xe là tại chi nhánh X. Chị T có cam kết rõ trong giấy mượn xe là hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Quá trình trả nợ, chị T chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký, đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng không trả nợ và không trả lại xe cho Công ty. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu chị T phải thanh toán số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi, phí tạm tính đến ngày 14/6/2024 là 27.770.000 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 1.320.000 đồng, lãi quá hạn 20.500.000 đồng, các loại phí 5.640.000 đồng) và chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 15/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp chị T không thanh toán được số tiền trên thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe hiệu Honda Vision 110cc Fi, biển số 69B1 – 62663 theo hợp đồng cầm cố để thu hồi nợ cho Công ty.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2024: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu chị Nguyễn Hồng T hoàn trả Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 15.599.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 5.599.000 đồng (04 năm 02 tháng 27 ngày x 1,1%/tháng tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 09/9/2024). Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, đại diện nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ngày 13/5/2020 chị Nguyễn Hồng T có ký hợp đồng với Công ty cổ phần CN để cầm cố tài sản của chị T là chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision 110cc Fi, biển số 69C1 – 32502, màu: Đen xám, số khung 3318DY008234, số máy F33E-0445918, giấy chứng nhận đăng ký xe số 029723 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/5/2014 đứng tên Nguyễn Hồng T với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng, trả vốn lãi hàng tháng. Sau khi ký hợp đồng cầm cố và giải ngân thì cùng ngày Công ty đã cho chị T mượn lại xe sử dụng, có làm giấy mượn xe. Quá trình thực hiện nghĩa vụ, chị T không trả cho Công ty bất kỳ khoản tiền vốn và lãi cho đến nay.

Đối với chị Nguyễn Hồng T đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Do đó, căn cứ vào hợp đồng cầm cố xe được ký giữa Công ty cổ phần CN với

chị Nguyễn Hồng T ngày 13/5/2020 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét yêu cầu của Công ty cổ phần CN buộc chị T trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét yêu cầu về lãi suất áp dụng mức lãi suất theo hợp đồng 1,1%/tháng là phù hợp với quy định. Số tiền lãi chị T phải trả cho Công ty Cổ phần CN khi vi phạm hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 04 năm 02 tháng 27 ngày x 1,1%/tháng x 10.000.000 đồng = 5.599.000 đồng. Tổng vốn và lãi chị Nguyễn Hồng T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần CN là 15.599.000 đồng.

Công ty Cổ phần CN có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Hồng T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 029723 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/5/2014 đứng tên Nguyễn Hồng T khi chị T đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 310, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CN. Buộc chị Nguyễn Hồng T hoàn trả cho Công ty cổ phần CN với tổng số tiền 15.599.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc Công ty cổ phần CN trả lại cho chị Nguyễn Hồng T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 029723 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/5/2014 đứng tên Nguyễn Hồng T khi chị T đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

- Về án phí dân sự có giá ngạch:

- + Công ty cổ phần CN không phải chịu án phí. Ngày 24/6/2024 Công ty cổ phần CN có nộp tạm ứng án phí số tiền 944.000 đồng theo biên lai số 0008894 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

- + Chị Nguyễn Hồng T phải chịu án phí số tiền 780.000 đồng (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu